

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**
Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **93/2018/DS-ST**

Ngày: 27/4/2018

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2018/TLST-DS ngày 02/3/2018 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 762/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 842/2018/QĐ-CA ngày 23/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Võ Văn N, sinh năm 1949. (vắng mặt có đơn)

Nơi cư trú: Số 73/2, ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Đặng Văn H, sinh năm 1976. (vắng mặt có đơn)

Nơi cư trú: Số 350/1, ấp TL, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/3/2018; đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 23/4/2018, nhưng trong quá trình tố tụng nguyên đơn Võ Văn N trình bày:

Vào ngày 17/6/2017 ông N có cho ông Đặng Văn H vay số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, có làm biên nhận nợ và hứa đến ngày 16/02/2018 sẽ trả toàn bộ số tiền này nhưng đến nay không trả cho ông N.

Nay ông N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Đặng Văn H có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Ông N không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần.

Chứng cứ ông N cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của ông là 01 biên nhận nợ có chữ ký của ông Đặng Văn H. Ngoài ra ông N không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Theo bản tự khai ngày 05/3/2018, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 23/4/2018, nhưng trong quá trình tố tụng ông Đặng Văn H trình bày:

Ông H thừa nhận có nợ của ông Võ Văn N tiền gốc 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, có viết biên nhận nợ và hứa đến ngày 16/02/2018 trả cho ông N nhưng do chưa có khả năng trả, nên nay ông H xin được trả dần với thời hạn như sau:

- Vào tháng 3 năm 2019 trả 30.000.000 đồng.
- Vào tháng 3 năm 2020 trả 30.000.000 đồng.

Ngoài ra ông H không cung cấp chứng cứ hay yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Võ Văn N tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Đặng Văn H theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Văn N và ông Đặng Văn H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, ông H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Võ Văn N với bị đơn ông Đặng Văn H được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Đặng Văn H thừa nhận còn nợ ông Võ Văn N số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng và đồng ý trả số tiền này. Nhưng ông H yêu cầu xin được trả dần và thực hiện vào tháng 3 năm 2019 trả 30.000.000 đồng, vào tháng 3 năm 2020 trả 30.000.000 đồng. Việc yêu cầu xin trả dần của ông H không được ông N đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy do ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N nên cần buộc ông H phải có nghĩa vụ trả tiền gốc 60.000.000 đồng, trả theo yêu cầu của ông N.

Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Đặng Văn H phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn N số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Võ Văn N được Tòa án chấp nhận nên ông Đặng Văn H phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo

quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông H phải nộp (60.000.000 đồng x 5%) là: 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N. Buộc ông Đặng Văn H phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn N số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn H có nghĩa vụ nộp: 3.000.000 (Ba triệu) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết